

CHÍNH PHỦ
Số: 59/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

***Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh,
hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện***

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện và điều kiện để được kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với thương nhân theo quy định của Luật Thương mại và tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế

1. Hoạt động thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện phải tuân theo Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế

kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện

1. Ban hành kèm theo Nghị định này các danh mục hàng hóa, dịch vụ sau đây:

- a) Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (Phụ lục I);
- b) Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh (Phụ lục II);
- c) Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện (Phụ lục III).

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Thương mại trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi các danh mục tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh

1. Nghiêm cấm thương nhân và tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp cụ thể phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Điều 6. Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh

1. Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật;
- b) Thương nhân kinh doanh phải là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- c) Cơ sở kinh doanh phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật;
- d) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải bảo đảm các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe theo quy định của pháp luật;

đ) Phạm vi, quy mô, thời gian, địa điểm kinh doanh, số lượng thương nhân tham gia kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh phải phù hợp với yêu cầu quản lý đặc thù và quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ đó trong từng thời kỳ;

e) Thương nhân kinh doanh phải có Giấy phép kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Thương mại xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy định về kinh doanh mặt hàng thuốc lá, rượu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, thương nhân phải thường xuyên bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và hướng dẫn việc cấp Giấy phép kinh doanh.

Điều 7. Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện

1. Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật;

b) Chủ thể kinh doanh phải là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

c) Cơ sở kinh doanh phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; địa điểm đặt cơ sở kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

d) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải bảo đảm các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe theo quy định của pháp luật;

đ) Thương nhân kinh doanh phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp khi kinh doanh.